

**ĐỀ ÁN
SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2019**

**Phần 1
KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2018**

I. KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC:

1. Đặc điểm tình hình chung

Sản xuất vụ Xuân năm 2018 tuy đầu vụ gặp rét đậm, rét hại làm cho trên 130 ha lúa bị chết phải gieo cấy lại nhưng sau đó suốt cả vụ thời tiết rất thuận lợi cho các loại cây trồng sinh trưởng và phát triển (trời ấm, thường xuyên có các đợt mưa vừa đủ cung cấp nước tưới nên các loại cây trồng phát triển rất nhanh). Giá các loại sản phẩm nông nghiệp đã tăng trở lại khuyến khích người dân tích cực đầu tư sản xuất phát triển kinh tế. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, sản xuất vụ Xuân 2018 cũng gặp một số khó khăn như: Thời tiết ấm, mưa nhiều, độ ẩm không khí cao cũng là môi trường thuận lợi cho các đối tượng sâu bệnh phát sinh, gây hại, đặc biệt là bệnh đạo ôn cổ bông đã làm cho 107 ha bị nhiễm bệnh, trong đó 17 ha bị nhiễm nặng; giá một số sản phẩm nông nghiệp như lạc, bò tăng còn chậm, sản xuất lợi nhuận thấp nên chưa tạo động lực hấp dẫn người dân tích cực sản xuất. Trước tình hình trên nhưng được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của các cấp ủy đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở, sự vào cuộc tích cực của cán bộ chuyên môn ngành nông nghiệp và đặc biệt là sự nỗ lực cố gắng của bà con nông dân nên vụ Xuân năm 2018 huyện ta được mùa khá toàn diện .

2. Công tác chỉ đạo điều hành

- Ban thường vụ Huyện ủy ban hành Chi thị số 29/CT-HU ngày 25/01/2018 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp năm 2018.

- UBND huyện ban hành, triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất nông nghiệp, Đề án sản xuất vụ Xuân năm 2018; ban hành 13 văn bản chỉ đạo, bổ cứu, đôn đốc sản xuất, khắc phục rét đậm, rét hại, phòng trừ sâu bệnh trong vụ Xuân. Trong đó 4 công điện (01 Công điện chỉ đạo khắc rét đậm, rét hại; 3 Công điện chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt là bệnh đạo ôn và đốm nâu hại lúa); tổ chức tập huấn sản xuất vụ Xuân cho cán bộ từ thôn trưởng, tổ trưởng tổ dân phố trở lên; chỉ đạo các địa phương xây dựng Kế hoạch, Đề án sản xuất của địa phương mình, tổ chức tập huấn, hội thảo về cơ cấu giống, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật ... đến người nông dân. Thành lập Đoàn kiểm tra, kiểm soát sản xuất kinh doanh giống, vật tư nông nghiệp, chỉ đạo các ngành chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý giống, vật tư nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Các phòng chuyên môn (Phòng Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Ứng dụng KHKT và Bảo vệ cây trồng vật nuôi) đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện Đề án, quy trình kỹ thuật sản xuất, phòng trừ sâu bệnh cho cán bộ chuyên môn cấp xã, thôn trưởng, tổ trưởng tổ dân phố; ban hành 21 văn bản hướng dẫn, đôn đốc sản xuất, phòng trừ sâu bệnh (riêng phòng trừ bệnh đạo ôn, đốm nâu có 16 văn bản). Tổ chức làm việc với các đơn vị sản xuất - kinh doanh giống, UBND các xã, thị trấn thống nhất các giải pháp quản lý chất lượng giống lúa trên địa bàn...

3. Những kết quả đạt được

3.1 Về trồng trọt:

3.1.1 Diện tích gieo trồng, cơ cấu giống, năng suất, sản lượng.

a. Cây lúa:

- Diện tích lúa vụ Xuân 3.145,2/3.050 ha, đạt 103,12% KH; năng suất bình quân 52,84 tạ/ha, đạt 104,2% KH (cao nhất từ trước đến nay); sản lượng 16.618,51 tấn, đạt 107,4% KH.

- Cơ cấu các trà và giống lúa:

+ Xuân Trung 1.235 ha chiếm 39,26% diện tích sản xuất; các giống chủ lực Xi23, NX30, XT28, P6, BTel.

+ Xuân Muộn 1.768 ha chiếm 56,22% diện tích; sử dụng các giống: VTNA2, HT1, N87, N98, DT52, TH3-3, KD18, PC6, BT09, KD đột biến, Kim cương 111.

Ngoài ra vẫn còn 142 ha gieo trồng giống IR1820, chiêm nếp củ chiếm 4,5% tổng diện tích ở các xã Xuân Hội, Xuân Trường, Xuân Đan, TT Xuân An, Xuân Giang.

Đã đưa vào sản xuất thử các giống Kim cương 111, BT09, BQ. Trong đó các giống BT09 có triển vọng tốt.

Trong cơ cấu giống vụ Xuân 2018 các giống nhiều loại giống bị đạo ôn cỏ bông gây thiệt hại nặng, tùy theo từng xứ đồng, từng thời điểm gieo cấy khác nhau.

- Cơ giới hóa tiếp tục được ứng dụng mạnh mẽ vào sản xuất, đặc biệt khâu thu hoạch, cụ thể: Khâu làm đất đạt trên 84%, khâu thu hoạch trên 70%, khâu vận chuyển đạt trên 50%.

b. Cây lạc:

- Diện tích lạc Xuân gieo trồng 1.900,8/1.990 ha, đạt 95,52% KH (các xã có diện tích sản xuất lớn như: Xuân Viên 269 ha, Xuân Giang 224 ha, Cổ Đạm 203 ha); năng suất 27,81 tạ/ha, đạt 110% KH (cao nhất từ trước đến nay); sản lượng 5.286 tấn, đạt 104,3% KH.

- Cơ cấu giống chủ yếu L14, V79, L23, sen lai. Trong đó giống chủ lực là L14 chiếm trên 85% diện tích gieo trồng. Tiếp tục sản xuất thử các giống lạc TK10, L27, L20. Thí điểm quy trình sản xuất lạc che phủ ni lông tiết kiệm được

chi phí phân bón, giống, năng suất cao hơn 15 – 20% so với trồng lạc không che phủ ni lông.

c. Cây trồng khác:

- Diện tích khoai Xuân 430,35/500 ha, đạt 86% kế hoạch; năng suất 128,5 tạ/ha, đạt 113,6% KH; sản lượng 5.530,4 tấn, đạt 97,8% kế hoạch. Giống khoai HL518 đưa vào sản xuất tại Xuân Hồng cho năng suất và chất lượng tốt, được thị trường ưa chuộng.

- Diện tích ngô Xuân 236,3/175 ha, đạt 135% KH; năng suất 57,77 tạ/ha, đạt 154% KH; sản lượng 1.365 tấn, đạt 208,1% KH. Một số giống ngô mới đưa vào sản xuất cho năng suất tốt như HN68, HN88.

- Diện tích rau các loại vụ Xuân 356,3 ha, đạt 101,8% KH, năng suất 97,14 tạ/ha, đạt 108,3% KH; sản lượng đạt 3.461 tấn, đạt 110,3 % KH. Khoảng 30 ha sản xuất hành tằm tại các xã Xuân Giang, Tiên Điền, Xuân Mỹ cho năng suất 80 tạ/ha; giá trị thu hoạch 240 triệu đồng/ha.

3.1.2 Thời vụ:

a. Cây lúa: Vụ Xuân năm 2018 là năm đầu tiên việc gieo cấy đã tương đối sát với lịch thời vụ (chỉ trừ một số giống như XT28, BT09 tại một số xã gieo cấy quá sớm tại các xã Xuân Trường, Xuân Hội, Xuân Đan, Cương Gián; gieo lúa XT28 quá muộn như Cổ Đạm).

- Xuân Trung: Đợt 1 bắc mạ tập trung từ 10-20/12/2017, xuống cấy 15-25/1/2018 (các giống Xi23, NX30).

Đợt 2 bắc mạ tập trung từ 20/12/2017 - 30/01/2017, xuống cấy 25-30/01/2018 (các giống P6, XT28, BTe1).

- Xuân muộn: Đợt 1 bắc mạ từ 05-10/1/2018, xuống cấy 25 – 30/01/2018 (các giống Nếp 98, Nếp 87, HT1, BQ);

Đợt 2 bắc mạ 10 - 15/1/2018, xuống cấy 02/02/2018 (các giống VTNA2, Khang dân 18, Kim cương 111, Khang dân đợt biển).

Đợt 3 bắc mạ từ 15-20/01/2018, xuống cấy 05-10/02/2018 (đối với giống TH3-3, TH3-5, PC6, BT09).

+ Gieo thẳng: Thời gian gieo sau bắc mạ 05 – 07 ngày.

b. Cây lạc: Gieo tria tập trung từ 06/02/2018 kết thúc trước 20/2/2018. Cơ bản cây lạc được gieo tria theo đúng khung lịch thời vụ.

3.1.3 Công tác quản lý giống, vật tư nông nghiệp

Vụ Xuân năm 2018 các địa phương đã chủ động phối hợp với Trung tâm Ứng dụng KHKT và Bảo vệ cây trồng, vật nuôi, các doanh nghiệp tổ chức cung ứng kịp thời, đảm bảo chất lượng các loại giống cây trồng cho nhân dân sản xuất, hạn chế thấp nhất tình trạng giống kém chất lượng được đưa vào địa bàn.

3.1.4. Tình hình sâu bệnh hại:

- Trên cây lúa: Bệnh đạo ôn và đốm nâu là đối tượng gây hại nặng nhất trên lúa vụ Xuân. Bệnh đạo ôn vụ Xuân năm 2018 xuất hiện trong giai đoạn lúa đẻ

nhánh (cuối tháng 2 đầu tháng 3). Giai đoạn bệnh gây hại trên lá tương đối nhẹ nhưng gây hại mạnh vào giai đoạn trổ bông (đạo ôn cổ bông), làm cho 107 ha lúa nhiễm bệnh, trong đó 17 ha nhiễm bệnh nặng. Bệnh phát sinh nặng trên giống lúa BTe1 (Xuân Phổ, Xuân Trường); lúa HT1 (Xuân Mỹ, Xuân Liên, Xuân Thành, Xuân Viên, Cương Gián); lúa BT09 (Xuân Đan); Lúa IR1820 (Thị trấn Xuân An); lúa DT37 (Xuân Hồng); các giống lúa bị nhẹ, rải rác NX30, Xi23, XT28....

Bệnh đốm nâu xuất hiện từ giai đoạn lúa đẻ nhánh, gây hại nặng giai đoạn lúa kết thúc đẻ nhánh - làm đòng. Diện tích bị nhiễm bệnh khá lớn (khoảng trên 600 ha). Bệnh phát sinh gây hại trên nhiều giống lúa nhưng gây hại nặng trên các giống như VTNA2, HT1, Kim cương 111.... Bệnh gây hại nặng trên các vùng đất chua phèn, nghèo dinh dưỡng, bón phân không cân đối, đặc biệt trong thời gian dài không bón phân hữu cơ ... Bệnh đốm nâu tuy không làm chết lúa, giảm diện tích nhưng bệnh đã làm giảm năng suất, sản lượng đáng kể.

- Trên cây lạc: Các bệnh mốc đen, mốc trắng xuất hiện rải rác, gây hại không nhiều; Chủ yếu tập trung ở các xã đất cát ven biển như. Nhóm sâu ăn lá: Chủ yếu sâu xanh, sâu khoang. Sâu non lúa 01 ra rộ vào thời điểm cây lạc bắt đầu phân cành và đạt cao điểm vào trung tuần cho đến cuối tháng 03. Mật độ trung bình 5-7 con/m², cao 10-12 con/m²; công tác phòng trừ được triển khai sớm nên không có diện tích bị nhiễm nặng, diện tích nhiễm nhẹ 10 ha.

3.2 Chăn nuôi – Thú y:

- Tổng đàn trâu bò 12.247/16.205 con, đạt 75,58% KH. Trong đó đàn trâu 2.538 con, đàn bò 9.709 con. Đàn trâu, bò giảm do giá trâu bò giảm mạnh, chăn nuôi thua lỗ nên nhiều hộ không tái đàn; tốc độ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp khá nhanh thay thế trâu bò cày kéo nên chăn nuôi trâu bò có xu hướng giảm. Tuy nhiên nhờ triển khai thực hiện tốt chương trình cải tạo đàn bò nên chất lượng, giá trị tổng đàn được nâng cao (tỷ lệ bò lai đạt 54,33%) .

- Tổng đàn lợn toàn huyện 18.457/22.628 con, đạt 81,57% KH. Do thị trường sản phẩm lợn không ổn định, giai đoạn 2016 - 2017 giá lợn hơi giảm quá sâu, người chăn nuôi lỗ nặng kéo dài nên nhiều cơ sở chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ không tái đàn, không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Tổng đàn gia cầm toàn huyện có 565.000/584.755 con đạt 96,62% KH.

- Công tác phòng chống dịch bệnh: Triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm nên các loại dịch bệnh nguy hiểm chỉ xảy ra một vài điểm trong diện hẹp, được bao vây khống chế kịp thời.

- Công tác quản lý giết mổ gia súc, gia cầm được tăng cường đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường trong khu dân cư. Bình quân trên 78% gia súc được đưa vào giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung.

3.3 Thủy sản:

- Diện tích nuôi trồng thủy sản 825/740 ha, đạt 111,49% KH, trong đó nuôi mặn lợ 570 ha (nuôi công nghệ cao 83 ha); diện tích nuôi nước ngọt 255 ha; sản lượng nuôi trồng 2.198/2.000 tấn, đạt 110% KH.

- Khai thác thủy sản: Sản lượng khai thác 8.322/8.800 tấn, đạt 94,57% KH. Sản lượng đánh bắt cơ bản được duy trì, phát triển, đặc biệt chất lượng và giá trị sản phẩm được nâng cao nhờ phát triển nhanh đội tàu đánh bắt xa bờ.

- Tổng số tàu thuyền đánh bắt cá trên biển 936 cái. Trong đó tàu đánh bắt xa bờ (trên 90 CV) 29 chiếc; có 6 tàu võ thép công suất trên 800 CV. Ngoài ra còn có 334 thuyền khai thác thủy sản trên các sông suối.

3.4 Lâm nghiệp: Triển khai trồng 60.000 cây phân tán; thực hiện tốt công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng.

II. TỒN TẠI, NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM:

1. Tồn tại, hạn chế:

- Vụ Xuân 2018, việc chấp hành lịch thời vụ một số địa phương nhân dân vẫn gieo cấy quá sớm so với thời vụ quy định (các giống lúa như XT28, BTe1, BT09), dẫn đến lúa trở vào thời điểm thời tiết bất lợi, sâu bệnh gây hại làm giảm năng suất.

- Một số địa phương còn sử dụng quá nhiều loại giống trên cùng một cánh đồng, chưa xây dựng được cánh đồng sử dụng một giống lúa, áp dụng cùng một quy trình thâm canh để nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Công tác phòng trừ sâu bệnh: Mặc dù UBND huyện, các phòng chuyên môn chỉ đạo quyết liệt nhưng công tác phòng trừ sâu bệnh, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tại các địa phương chưa được tập trung, còn nặng tư tưởng chủ quan, lơ là dẫn đến hiệu quả phòng trừ đạt thấp (Mặc dù UBND tỉnh, UBND huyện đã liên tục chỉ đạo, các cơ quan chuyên môn liên tục cảnh báo, hướng dẫn nhưng một số địa phương, người dân vẫn không tổ chức phun phòng, các địa phương còn yêu cầu phải xác định giống lúa gì nhiễm bệnh, giống lúa gì không nhiễm bệnh):

+ Việc tổ chức tập huấn cho người dân một số địa phương tổ chức tập huấn phòng trừ sâu bệnh cho người dân như Xuân Trường, Xuân Liên, Xuân Lam, Xuân Lĩnh, Tiên Điền.... tuy nhiên số người tham gia rất ít;

+ Việc tổ chức chỉ đạo nhân dân phun phòng trừ sâu bệnh đạt tỷ lệ thấp: Bên cạnh các đơn vị đã chỉ đạo quyết liệt và có giải pháp đồng bộ như Xuân Lĩnh, Xuân Lam, Cổ Đạm, Xuân Trường...(đã phân công cán bộ trực tiếp theo dõi, chỉ đạo, có chính sách hỗ trợ 50 -100% tiền thuốc) nên đã hạn chế được thiệt hại do sâu bệnh gây ra; một số địa phương chưa được tập trung cao trong công tác chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh nên mức độ thiệt hại tương đối lớn như Xuân Mỹ, Thị trấn Xuân An, Xuân Phổ, Xuân Hồng, Xuân Giang... (trên 107 ha lúa vụ Xuân bị đạo ôn cổ bông gây hại, trong đó 17 ha thiệt hại nặng).

- Sản xuất quy mô còn manh mún, nhỏ lẻ, nhiều diện tích còn bỏ hoang. Công tác vận động tích tụ ruộng đất hiệu quả còn thấp.

- Phát triển và nhân rộng mô hình sản xuất còn chậm; liên kết trong sản xuất chưa bền vững.

2. Nguyên nhân:

a. Khách quan:

- Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nên thời tiết diễn biến bất thường, thiên tai dịch bệnh ngày càng diễn biến phức tạp, khó lường.

- Giá cả thị trường sản phẩm nông nghiệp không ổn định, một số sản phẩm như bò, lạc thương phẩm tăng chậm, khó tiêu thụ làm cho người sản xuất gặp rất nhiều khó khăn.

- Hạ tầng phục vụ sản xuất như: Giao thông, thủy lợi chưa được đầu tư đồng bộ, phần lớn diện tích sản xuất không chủ động nước tưới đã ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, đưa các giống có năng suất, chất lượng vào sản xuất

b. Chủ quan:

- Việc triển khai, chỉ đạo sản xuất của một số địa phương chưa được tập trung cao dẫn đến việc chấp hành lịch thời vụ, cơ cấu bộ giống, thời điểm gieo cấy (nhiệt độ dưới 15°C vẫn gieo cấy làm cho 130 ha lúa bị chết rét phải gieo cấy lại).

- Tư duy sản xuất hàng hóa của người dân nhìn chung còn chậm phát triển, sản xuất còn manh mún, tự cung tự cấp là chính, sản xuất hàng hóa chưa nhiều, chất lượng thấp, khả năng cạnh tranh không cao

- Mạng lưới tổ chức dịch vụ cung ứng giống, vật tư cho nhân dân sản xuất còn nhiều bất cập, chất lượng khó kiểm soát.

- Công tác chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tại các địa phương còn nặng tư tưởng chủ quan, lơ là; đa số người dân chưa tự giác thực hiện phòng trừ sâu bệnh; sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không theo khuyến cáo của cơ quan chuyên môn nên hiệu quả phòng trừ đạt thấp.

3. Bài học kinh nghiệm:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo phải đồng bộ, cụ thể, quyết liệt và linh hoạt ở mọi mặt, mọi khâu trong quá trình sản xuất: Từ xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, quy hoạch vùng sản xuất, giải pháp kỹ thuật trong sản xuất các đối tượng cây con và đổi mới hình thức tổ chức sản xuất để hoạt động thực sự có hiệu quả, đặc biệt là vai trò của các THT, HTX.

- Phải phối hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền, các ngành trong tổ chức chỉ đạo sản xuất, ban hành đồng bộ cơ chế, chính sách đủ mạnh để khuyến khích tạo nên sự thay đổi trong nhận thức và thực tiễn sản xuất của người dân.

- Trong công tác quản lý giết mổ và quản lý kinh doanh vật tư nông nghiệp cần có sự vào cuộc quyết liệt của chính quyền cấp xã để xóa bỏ triệt để các điểm giết mổ nhỏ lẻ và các điểm buôn bán vật tư nhỏ lẻ, có tính mùa vụ không đảm bảo tiêu chuẩn và khó kiểm soát tại địa phương.

- Tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tác dụng của công tác phòng trừ sâu bệnh, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi để nhân dân tự giác chấp

hành; có biện pháp xử lý nghiêm đối với các trường hợp không thực hiện theo quy định.

- Trong sản xuất phải luôn chủ động ứng phó với diễn biến bất thuận của thiên tai, thời tiết, sâu bệnh, dịch bệnh để chỉ đạo, hướng dẫn nhân dân khắc phục kịp thời, đảm bảo an toàn sản xuất và sản xuất đạt kết quả cao.

Phần 2: **KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2019**

I. NHẬN ĐỊNH VỀ THỜI TIẾT, THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN:

1. Nhận định về thời tiết

Theo dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn Trung ương: Nhiệt độ trung bình tại các tỉnh Bắc bộ và Bắc Trung bộ tháng 12/2018 ở mức xấp xỉ trung bình nhiều năm (TBNN); trong các tháng 1 và 2/2019 ở mức cao hơn TBNN 0,5°C; trong các tháng 3 và 4/2019 có khả năng cao hơn TBNN khoảng 1°C. Trong vụ Xuân năm 2019 rét đậm, rét hại có khả năng tương đương TBNN; tuy nhiên rét đậm, rét hại có khả năng chỉ kéo dài 4 – 7 ngày, tập trung trong tháng 01 và nửa đầu tháng 02/2019.

Hiện tượng ENSO được dự báo sẽ chuyển sang trạng thái EL Nino với xác suất khoảng 60 – 70% từ tháng 11/2018 đến những tháng đầu năm 2019. Theo đó mùa mưa năm 2018 sẽ kết thúc sớm hơn so với TBNN. Trong vụ Xuân 2019, lượng mưa trên toàn quốc phổ biến thấp hơn TBNN từ 10 - 30%. Do các tháng cuối năm 2018 và đầu năm 2019 chịu ảnh hưởng của hiện tượng EL Nino nên lượng mưa dự báo tiếp tục thiếu hụt khoảng 20 - 30%. Cảnh báo nguy cơ thiếu nước cho sản xuất, dân sinh, cần có kế hoạch phòng chống hạn, xâm nhập mặn ngay từ đầu vụ.

2. Thuận lợi.

- Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở; sự phối hợp tích cực của các phòng, ban, ngành, đoàn thể và đặc biệt là sự chủ động, nỗ lực sản xuất của nhân dân.

- Các chính sách đã được Trung ương, Tỉnh, Huyện ban hành đồng bộ tạo động lực khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập; các quy hoạch, kế hoạch, đề án đã được phê duyệt khá đầy đủ là cơ sở pháp lý và động lực thúc đẩy nông nghiệp hàng hoá phát triển, nâng cao giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích.

- Phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa tập trung, sản xuất theo chuỗi giá trị và nhu cầu thị trường đã được hình thành và đang nhân rộng; các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, cơ giới hóa được áp dụng nhanh vào sản xuất.

- Các cấp lãnh đạo và cán bộ kỹ thuật nông nghiệp đã có thêm nhiều kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức sản xuất né tránh thiên tai, phòng trừ dịch bệnh.

3. Khó khăn, thách thức:

- Biến đổi khí hậu tiếp tục diễn biến khó lường, thiên tai, bão lũ diễn ra bất thường, đặc biệt vụ Xuân 2019 có thể xảy ra hạn hán, thiếu nước nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống nhân dân; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp, khó lường, khó khăn trong công tác phòng trừ.

- Sản xuất nông nghiệp tính bền vững, tính ổn định không cao, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, bị động trước sự biến động của thị trường, lợi nhuận thấp;

- Quy mô sản xuất nhỏ lẻ, manh mún nên việc tổ chức sản xuất hàng hoá tập trung gặp nhiều khó khăn; thiếu những doanh nghiệp đầu kéo có khả năng tổ chức liên kết sản xuất theo chuỗi thực sự hiệu quả với nông dân.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU SẢN XUẤT VỤ XUÂN NĂM 2019

1. Quan điểm:

Tập trung chỉ đạo sản xuất vụ Xuân thắng lợi toàn diện, thực hiện có hiệu quả tiến trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất, tạo ra sản phẩm hàng hóa có chất lượng, tăng giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích, đồng thời gắn sản xuất với bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm; từng bước đưa sản xuất theo chuỗi giá trị trên cơ sở tổ chức sản xuất phù hợp với tiềm năng, lợi thế.

2. Mục tiêu cụ thể:

a. Trồng trọt:

Phấn đấu chỉ tiêu các loại cây trồng cụ thể như sau:

- Lúa: Diện tích 3.067 ha (trong đó diện tích lúa chất lượng, hàng hoá 800 ha), năng suất 50,10 tạ/ha, sản lượng 15.365,17 tấn.

- Lạc: Diện tích 1.929 ha, năng suất 25,29 tạ/ha, sản lượng 4.878,44 tấn.

- Ngô Xuân: Diện tích 177 ha, năng suất 37,40 tạ/ha, sản lượng 662 tấn;

- Khoai lang: 500 ha, năng suất 113,11 tạ/ha, sản lượng 5.655,73 tấn.

- Rau đậu các loại: 350 ha, năng suất 86,82 tạ/ha, sản lượng 3.039 tấn.

(chi tiết có phụ lục kèm theo)

b. Chăn nuôi:

- Chỉ tiêu tổng đàn: Tập trung phát triển đàn vật nuôi cả về số lượng và chất lượng; phát triển chăn nuôi tập trung tại các vùng quy hoạch, kết hợp chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ trong nông hộ có liên kết. Cụ thể:

+ Đàn lợn 19.934 con.

+ Trâu bò: 12.732 con. Trong đó: Bò 10.194 con; trâu 2.538 con.

+ Gia cầm 619.500 con.

- Công tác thú y: Tiêm vắc xin phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm đạt 100% kế hoạch.

c. Thủy sản: Diện tích nuôi trồng 795 ha. Trong đó: Diện tích nuôi mặn lợ 500 ha (trong đó 113 ha nuôi tôm công nghệ cao); cá nước ngọt 295 ha. Sản lượng nuôi thủy sản 2.450 tấn.

Duy trì đội tàu khai thác thủy sản trên biển 936 cái, trên sông 334 cái. Tiếp tục triển khai đóng mới, cải hoán tàu thuyền để tổ chức đánh bắt xa bờ. Sản lượng khai thác đạt 8.800 tấn.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

d. Lâm nghiệp: Phần đầu trồng mới 40.000 cây phân tán; làm tốt công tác chăm sóc, bảo vệ và phòng chống cháy rừng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác thông tin tuyên truyền

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến và quán triệt nội dung Kế hoạch, Đề án sản xuất, các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, tạo sự quyết tâm cao trong cả hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở. Trong đó vụ Xuân 2019 tập trung vào các nội dung: Sản xuất đúng lịch thời vụ, cơ cấu đúng bộ giống, đầu tư chăm sóc đúng quy trình kỹ thuật; phòng trừ sâu bệnh kịp thời; mở rộng các hình thức liên kết với doanh nghiệp trong quá trình sản xuất;...Tuyên truyền bằng nhiều hình thức như trên hệ thống Phát thanh - Truyền hình của huyện, Đài truyền thanh của xã, thị trấn; tổ chức hội thảo, tập huấn;... bảo đảm toàn bộ người dân trong huyện nắm bắt kịp thời chủ trương của huyện, tỉnh.

2. Cơ cấu giống, mùa vụ:

2.1. Cơ cấu mùa vụ:

- Tập trung chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu các trà lúa theo hướng sử dụng các giống ngắn ngày, năng suất, chất lượng cao: Bỏ trà xuân sớm, cơ cấu hợp lý trà Xuân Trung và tăng diện tích Xuân Muộn.

- Tăng diện tích sản xuất lúa chất lượng để tăng hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích. Tại các vùng trọng điểm sản xuất lúa phần đầu có 50% diện tích sử dụng giống lúa chất lượng.

2.2. Cơ cấu giống cây trồng:

- Giống lúa: Nhóm giống chủ lực gồm:

+ Lúa thuần: P6, HT1, N98, N87, Khang dân 18, Khang dân đột biến, PC6;

+ Lúa lai: Bte-1, TH3-3.

- Nhóm giống đặc thù gồm:

+ Các giống Xi23, NX30 bố trí những vùng thấp trũng, không chủ động tưới tiêu; giống VTNA2 đưa vào sản xuất các vùng đất không bị bệnh đốm nâu, tương đối giàu dinh dưỡng.

- Nhóm giống tiếp tục sản xuất thử và khu vực hoá gồm: XT28, Kim cương 111, BT09, BQ, nếp DT52;

+ Nhóm giống mới đưa vào thử nghiệm: Thái Xuyên 111, Bắc thịnh, Đài thom 8, N26.

(các giống đưa vào sản xuất thử phải thực hiện theo Quyết định số 95/2007/QĐ-BNN ngày 27/11/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

Mỗi xã, thị trấn đưa vào cơ cấu 3 - 4 giống chủ lực. Tập trung chỉ đạo xây dựng cánh đồng 01 giống/một vùng sản xuất, áp dụng cùng một quy trình thâm canh quy mô 10 ha trở lên.

Trong điều kiện biến đổi khí hậu ảnh hưởng sâu sắc đến sản xuất, để giảm thiểu rủi ro, khuyến cáo các địa phương không cơ cấu 01 giống quá 30% diện tích gieo cấy.

- Giống cây trồng cạn: Đa dạng hoá các loại cây trồng trong đó tập trung vào cây trồng có giá trị kinh tế cao và khai thác lợi thế của từng vùng sinh thái, cụ thể:

+ Giống rau củ quả các loại: rau cải, xà lách, bí xanh, bí đỏ, dưa chuột, đậu đỗ, rau gia vị,... Rau, củ, quả trên đất cát ven biển: củ cải trắng, cải bẹ, cải thảo, cà rốt, mướp, bầu bí, dưa các loại, ớt....

+ Giống lạc: Sử dụng giống L14, V79, L23, sen lai; cơ cấu 06 ha sản xuất lạc cục hàng hóa tại hai xã Xuân Thành và Xuân Viên (mỗi xã 03 ha); tiếp tục sản xuất thử giống TK10, L20.

+ Giống ngô lấy hạt: NK66, P4199, CP3Q, NK6326, NK 7328, NK4300, PAC999, LVN146, LVN10, NK6654, PAC669. Nhóm giống thực phẩm: MX4, HN88, HN68, MX2, MX10... Nhóm ngô sinh khối: Sử dụng các giống P4199, NK66, NK6326, NK4300, LVN146,...

2.3. Cơ cấu giống vật nuôi.

- Giống lợn: Tăng cường chỉ đạo liên kết giữa các cơ sở chăn nuôi lợn nái tại Xuân Thành, Xuân Mỹ, Cổ Đạm để cung cấp đủ con giống cho các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn huyện.

- Giống bò: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình Zêbu hóa đàn bò, tạo đàn nái nền đạt tiêu chuẩn, phục vụ công tác lai tạo bò thịt chất lượng cao. Triển khai các Dự án phát triển bò thịt chất lượng cao, sử dụng tinh các giống bò như Charolaise, 3B, Brahman, Red Angus..., để tạo ra bê lai 75% máu ngoại hướng thịt; đồng thời tiếp tục thu hút đầu tư các trang trại chăn nuôi bò nái quy mô từ 50 con/trang trại trở lên.

- Giống gia cầm: Tiếp tục chọn lọc, nâng cao chất lượng các giống gia cầm địa phương có giá trị và du nhập các giống gia cầm phù hợp điều kiện chăn nuôi của huyện. Nâng cấp các cơ sở ấp nở gia cầm để tạo ra con giống tốt, sạch bệnh, chất lượng cung cấp cho người dân.

Triển khai các mô hình chăn nuôi gà siêu trứng Ai Cập, gà thịt quy mô 1.000 con/cơ sở trở lên để nhân rộng trên địa bàn huyện.

3. Bố trí khung lịch thời vụ linh hoạt, né tránh ảnh hưởng của thời tiết

- Cây lúa: Năm 2019, tiết Lập Xuân bắt đầu từ 4/2/2019 (30/12/2018 Mậu Tuất); tiết Cốc Vũ bắt đầu từ 20/4/2018 (16/3 Kỷ Hợi); tiết Lập Hạ bắt đầu từ 6/5/2018 (02/4 Kỷ Hợi). Theo quy luật thời tiết các năm trước bố trí thời vụ gieo cấy phù hợp để lúa trở tập trung từ ngày 25 đến 30/4, kết thúc trước 5/5/2018. Tùy theo thời gian sinh trưởng của từng giống lúa để gieo mạ trong khung thời vụ phù hợp. Những vùng chủ động thủy lợi áp dụng phương thức gieo thẳng thì gieo giống chậm hơn so với bắc mạ 5 - 7 ngày.

(Chi tiết có phụ lục lịch thời vụ kèm theo)

- Cây trồng cạn:

+ Cây lạc: Tranh thủ thời tiết thuận lợi gieo tria xung quanh tiết Lập Xuân, kết thúc trong tháng 2/2019.

+ Cây ngô thời vụ gieo tria: 15/1 - 15/2/2018.

+ Cây đậu trồng thuần hoặc trồng xen lạc, thời vụ sau 25/2, kết thúc trước 10/3.

4. Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất.

4.1. Kỹ thuật sản xuất trồng trọt

- Canh tác lúa:

+ Khâu làm đất: Làm ải đất sớm để tăng độ xốp đất, diệt ấu trùng, bào tử nấm sâu bệnh, tàn dư thực vật. Yêu cầu cày sâu, bừa kỹ, khi sử dụng các loại máy nông nghiệp phục vụ làm đất cần đảm bảo kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu thâm canh.

+ Chủ động khâu làm mạ: Tập trung thâm canh ngay từ khâu mạ theo đúng quy trình từng giống. Cần chủ động dự phòng 5-10% các giống ngắn ngày (giống có thời gian sinh trưởng từ 120 – 125 ngày) để đảm bảo an toàn trong điều kiện thời tiết biến đổi bất thuận. Chủ động theo dõi dự báo thời tiết để lựa chọn thời điểm gieo mạ, không bắc mạ, gieo thẳng, cấy lúa vào những ngày trời rét đậm, rét hại nhiệt độ dưới 15°C. Có phương án phòng chống rét cho mạ bằng việc che phủ nilon khi cần thiết, nhất là các giống ngắn ngày.

+ Phân bón: Quan điểm bón cân đối, bón lót sâu, bón thúc sớm, đảm bảo theo đúng quy trình canh tác với phương châm nặng đầu, nhẹ cuối.

- Canh tác cây trồng cạn:

+ Triển khai làm ải đất sớm để tăng sự tơi xốp cho đất, diệt bào tử nấm, ấu trùng sâu bệnh. Tập trung chăm sóc theo đúng quy trình thâm canh từng đối tượng cây trồng. Đối với ngô, đậu trồng xen lạc cần bố trí mật độ hợp lý (10.000 cây/ha).

+ Mở rộng diện tích sản xuất rau, củ quả trên đất cát và đất bãi bồi ven sông theo hướng ứng dụng các công nghệ canh tác tiên tiến, sản xuất liên kết có hợp đồng bao tiêu sản phẩm với doanh nghiệp.

4.2. Quy trình kỹ thuật chăn nuôi

- Áp dụng quy trình chăn nuôi khép kín "cùng vào - cùng ra" an toàn dịch bệnh, quy trình chăn nuôi an toàn sinh học theo hướng VietGap.

- Chuyển giao kỹ thuật vỗ béo bò thịt, chăn nuôi gà siêu trứng, siêu thịt cho các cơ sở đăng ký nuôi thí điểm.

5. Kiểm soát tốt dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Công tác bảo vệ thực vật:

Phát hiện sớm và xử lý có hiệu quả các đối tượng dịch hại như: Bệnh đạo ôn, đốm nâu, khô vằn, ruồi đục nõn, rầy nâu, rầy lưng trắng...gây hại trên cây lúa; nhóm nấm mốc gây bệnh chết éo, tập đoàn sâu ăn lá...gây hại trên cây lạc; sâu xám, rệp, sâu đục bắp hại ngô. Đặc biệt là tập trung cao phòng trừ bệnh đạo ôn, bệnh lùn sọc đen Phương Nam gây hại trên lúa; chủ động tổ chức diệt chuột trước khi bước vào vụ sản xuất.

- Áp dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật trong canh tác lúa như SRI, “ba giảm, ba tăng”, “1 phải, 5 giảm”; áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM.

- Công tác thú y:

+ Phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm: Tăng cường công tác giám sát dịch để phát hiện sớm, tổ chức bao vây khống chế kịp thời, không để dịch lây lan ra diện rộng, đặc biệt triển khai phòng chống bệnh dịch tả Châu Phi không để bệnh xâm nhập vào địa bàn. Tổ chức tiêm vắc xin phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm định kỳ đạt 100% KH. Tăng cường công tác quản lý hành nghề thú y, chăm sóc sức khỏe vật nuôi, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do dịch bệnh gây ra.

+ Kiểm dịch, kiểm soát giết mổ: Tăng cường công tác quản lý giết mổ gia súc, gia cầm, đưa 100% gia súc, gia cầm vào giết mổ tại cơ sở tập trung. Tăng cường công tác kiểm soát vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn huyện, hạn chế các loại dịch bệnh lây lan.

6. Giải pháp về quản lý, chỉ đạo:

- Chủ động và có kế hoạch ứng phó với các tình huống bất lợi trong sản xuất nông nghiệp ngay từ đầu vụ, đặc biệt là hạn hán, rét đậm, rét hại; phòng trừ sâu bệnh, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi.

- Thành lập Ban chỉ đạo sản xuất nông nghiệp từ huyện đến cơ sở, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Tăng cường lực lượng cán bộ kỹ thuật ngành nông nghiệp xuống cơ sở tuyên truyền, tập huấn và chỉ đạo quyết liệt về cơ cấu giống, lịch thời vụ, quy trình canh tác, vùng sản xuất hàng hóa, công tác thủy nông, bảo vệ thực vật giúp nông dân hiểu rõ, thực hiện đúng các nội dung Đề án sản xuất nông nghiệp của huyện.

- Nghiêm túc thực hiện quy hoạch sản xuất đã được phê duyệt, đồng thời chủ động tìm kiếm đối tác thu mua, chế biến, tiêu thụ nông sản cho nông dân.

- Đẩy mạnh công tác ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới về giống cây trồng, vật tư, trang thiết bị công nghệ phục vụ sản xuất nâng cao giá trị gia tăng.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về vật tư nông nghiệp từ huyện đến xã, phường, thị trấn: Thực hiện kiểm tra thường xuyên, đột xuất và phát

huy tốt vai trò của quần chúng nhân dân trong việc cung cấp thông tin các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp kém chất lượng, kiên quyết xử lý các tổ chức, đơn vị, cá nhân bán giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật kém chất lượng, tuyên truyền quảng cáo sai quy định.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư số 45/TT-BNN ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về đánh giá, phân loại các cơ sở SX-KD hàng hóa vật tư nông nghiệp, sản phẩm nông lâm thủy sản theo phân công, phân cấp.

7. Nâng cao chất lượng dịch vụ nông nghiệp:

7.1. Về thủy lợi:

Tiếp tục cải tạo, nâng cấp bờ vùng, bờ thửa, giao thông, thủy lợi nội đồng; tổ chức điều tiết nước hợp lý giữa các vùng, từng thời điểm và theo các giai đoạn sinh trưởng phát triển của lúa. Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, khí hậu chuẩn bị tốt phương án chống hạn; có phương án tiêu úng, đặc biệt phòng chống lũ Tiểu Mãn cuối vụ.

Các địa phương sử dụng hệ thống thủy lợi của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh chủ động liên hệ ký hợp đồng kế hoạch tưới phục vụ sản xuất vụ Xuân, Hè Thu; thành lập các đội thủy nông để quản lý, điều hành tưới tiêu. Ủy ban nhân dân huyện sẽ thống nhất với Công ty TNHH Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh lên lịch lấy nước từ Hồ Xuân Hoa để cung cấp nước cho các xã trong vùng tưới. Hai xã Xuân Mỹ, Xuân Thành chỉ đạo các thôn có diện tích sản xuất Hè Thu bố trí gieo cấy sớm hơn thời vụ 05 ngày, thu hoạch sớm để lấy nước sản xuất Hè Thu trước Cổ Đạm, Xuân Liên...

7.2 Dịch vụ vật tư nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm:

- Công tác cung ứng giống, vật tư nông nghiệp: Trung tâm Ứng dụng KHKT & Bảo vệ CT - VN phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chủ động liên hệ với các công ty cung ứng giống, vật tư nông nghiệp có uy tín, đủ tư cách pháp nhân để cung ứng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng hàng hóa cho người dân sản xuất. Khuyến cáo người dân lựa chọn đúng các cơ sở phân phối giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật uy tín, đảm bảo chất lượng, mua sản phẩm có bao bì nhãn mác, nguồn gốc xuất xứ, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra xác nhận. Sau khi tiếp nhận giống Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tổ chức lấy mẫu kiểm tra chất lượng, đặc biệt là tỷ lệ nảy mầm ngay, không để xảy ra tình trạng giống kém chất lượng khi vào vụ sản xuất mới phát hiện.

- Đoàn kiểm tra liên ngành về quản lý giống, vật tư nông nghiệp huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tăng cường kiểm tra các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống, vật tư nông nghiệp trên bàn huyện, xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định. Kiểm soát chặt chẽ công tác khảo nghiệm, sản xuất thử các loại giống trên địa bàn theo đúng quy định pháp luật.

- Đẩy mạnh dịch vụ cơ giới hoá trong các khâu sản xuất, ưu tiên làm đất, thu hoạch, vận chuyển.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX dịch vụ nông nghiệp ở các mặt: dịch vụ giống, vật tư nông nghiệp, kỹ thuật sản xuất, phòng trừ sâu bệnh, thủy lợi, bao tiêu, chế biến nông sản, ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế sản xuất nhằm thúc đẩy nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, từng bước giải quyết vấn đề về tiêu thụ nông sản hàng hoá cho người sản xuất theo hợp đồng liên kết. Tiếp tục chỉ đạo sản xuất theo phương thức “Cánh đồng lớn” ký hợp đồng tiêu thụ với doanh nghiệp nông cốt, các hộ kinh doanh thông qua HTX ngay từ đầu vụ sản xuất.

8. Chính sách:

Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh, huyện đã ban hành:

- Chính sách doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (Nghị định số 210/2013/NĐ-CP); Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn (Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg); Chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg); Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020 (Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg);... Chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019 - 2020 theo Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện.

- Đề nghị các xã, thị trấn căn cứ điều kiện sản xuất cụ thể xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, lồng ghép và sử dụng hiệu quả nguồn vốn xây dựng nông thôn mới năm 2019 để hỗ trợ phát triển sản xuất, ưu tiên hỗ trợ các giống mới (nằm trong bộ giống chủ lực của tỉnh), hỗ trợ mô hình chăn nuôi liên kết...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

- Căn cứ vào Đề án sản xuất vụ Xuân 2019 của huyện, tổ chức xây dựng kế hoạch sản xuất với các chỉ tiêu cụ thể đến tận từng xứ đồng, từng thôn xóm; đặc biệt quan tâm phát triển các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực có lợi thế của địa phương mình như lúa, lạc, lợn, bò, tôm, rau, củ, quả,... chú trọng công tác giống, lịch thời vụ, phòng trừ sâu bệnh, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, liên kết sản xuất...

- Phân công trách nhiệm cụ thể trong công tác lãnh đạo, điều hành sản xuất cho từng thành viên, thường xuyên bám sát tận thôn xóm để chỉ đạo sản xuất hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai sản xuất.

- Thường xuyên tuyên truyền để người dân tiếp cận được các chủ trương, chính sách của Trung ương và địa phương để chủ động xây dựng phương án sản xuất. Liên hệ chặt chẽ với các phòng chuyên môn để phản ánh kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong chỉ đạo sản xuất để phối hợp xử lý.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Trực tiếp hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra kết quả sản xuất của các địa phương. Tham mưu đề xuất kịp thời với Ủy ban nhân dân huyện, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch và chuẩn bị mọi điều kiện cho sản xuất vụ Xuân 2019; chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan, UBND các xã, thị trấn tăng cường quản lý các cơ sở kinh doanh giống, vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất trên địa bàn huyện; tuyên truyền các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giúp người dân tiếp cận và giải quyết các thủ tục liên quan đến các chính sách để nhân rộng mô hình.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm UDKH&BVCTVN huyện tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người dân trước vụ sản xuất; cử cán bộ kỹ thuật bám sát cơ sở, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn hướng dẫn người dân sản xuất, theo dõi diễn biến tình hình sâu bệnh, hướng dẫn nhân dân phòng trừ kịp thời, đảm bảo sản xuất đạt kết quả cao nhất.

- Phối hợp với Phòng Tài chính – Kế hoạch tham mưu, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp đã được tỉnh, huyện ban hành; đồng thời tham mưu triển khai kịp thời các chính sách hỗ trợ các đối tượng cây trồng, vật nuôi mới, khắc phục thiên tai; hướng dẫn các xã sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất từ nguồn vốn xây dựng nông thôn mới.

- Tham mưu thành lập các đoàn xuống cơ sở, phối hợp với UBND các xã, thị trấn đôn đốc việc triển khai thực hiện các nội dung Đề án tái cơ cấu, Đề án sản xuất ngành và Đề án sản xuất vụ Xuân 2019. Tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

3. Trung tâm Ứng dụng KHKT & Bảo vệ CT, VN:

Phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT, các địa phương tổ chức tập huấn, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật cho người dân, xây dựng mô hình giống mới, các cơ sở đưa đối tượng mới vào chăn nuôi; Chủ trì thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo, kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; triển khai tiêm vắc xin phòng bệnh cho đàn gia súc, gia cầm theo kế hoạch; cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên bám sát cơ sở, phối hợp với địa phương để chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các nội dung của Đề án.

4. Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp đã được tỉnh, huyện ban hành; tham mưu bố trí nguồn vốn thực hiện các chính sách

hỗ trợ các đối tượng cây trồng, vật nuôi mới, khắc phục thiên tai; hướng dẫn các xã sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất từ nguồn vốn xây dựng nông thôn mới.

5. Các cơ quan liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ của mình, chủ động phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt Đề án sản xuất vụ Xuân 2019 và các đề án đã được Ủy ban nhân dân huyện ban hành.

6. Ủy Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, cơ quan thông tin đại chúng:

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phối hợp chặt chẽ với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân hiểu và nắm vững các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, hăng hái tham gia đẩy mạnh sản xuất hoàn thành kế hoạch sản xuất vụ Xuân 2019.

- Đài Truyền thanh - Truyền hình, Cổng thông tin điện tử nghixuan.hatinh.gov.com, Đài Truyền thanh các xã, thị trấn tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến, chuyển tải những chủ trương, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh; kịp thời biểu dương các địa phương, đơn vị, cá nhân thực hiện tốt, phê bình, nhắc nhở những địa phương, đơn vị, cá nhân triển khai thực hiện chưa tốt, nhằm thực hiện phong trào thi đua đẩy mạnh sản xuất vụ Xuân năm 2019 thắng lợi toàn diện. /

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp & PTNT (b/c);
- TTr: Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Mặt trận và các tổ chức đoàn thể cấp huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Trung tâm UDKHKT- BVCTVN;
- Đại Phát thanh – Truyền hình huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, Phòng NN và PTNT;

Gửi: + VB giấy cho SNN, TT. Huyện ủy;
+ VB điện tử cho các thành phần còn lại.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Tiến Hưng